



Phụ lục

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

ĐVT: triệu đồng.

STT	Nội Dung	Tổng số kế hoạch vốn được giao			Tổng số kế hoạch vốn phân bổ đợt này			Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
			Nguồn ngân sách TW	Ngân sách tỉnh đối ứng		Nguồn ngân sách TW	Ngân sách tỉnh đối ứng	
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	13.519,0	13.519,0		13.519,0	13.519,0		PL I
2	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	35.615,0	35.615,0		35.306,3	35.306,3		PL II
3	Chương trình MTQG Xây dựng NTM	5.212,0	3.512,0	1.700,0	5.212,0	3.512,0	1.700,0	PL III
	Tổng cộng	54.346,0	52.646,0	1.700,0	54.037,3	52.337,3	1.700,0	

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội Dung	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương phân bổ năm 2024	Theo lĩnh vực sự nghiệp				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế		
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	5.769,0	5.769,0				5.769,0	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	3.226,0	3.226,0	-	-	841,0	2.385,0	
2.1	- Tiểu dự án 1 : Hỗ trợ phát triển sản xuất	2.385,0	2.385,0				2.385,0	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp
2.2	- Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	841,0	841,0			841,0		Trung tâm Y tế huyện
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	2.884,0	2.884,0	1.616,0	-	-	1.268,0	
3.1	- Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục vùng nghèo	1.616,0	1.616,0	1.616,0				Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp
3.2	- Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	1.268,0	1.268,0				1.268,0	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
4	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	237,0	237,0	-	237,0	-	-	
4.1	- Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	237,0	237,0	-	237,0	-	-	
	- Tổ chức hội nghị biểu dương khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo	80,0	80,0		80,0			Phòng LĐTĐBXH
	- Các hoạt động khác (Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyển trang, truyền mục, phóng sự ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo...)	157,0	157,0		157,0			Trung tâm Truyền thông Văn hóa huyện
5	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá	1.403,0	1.403,0	1.403,0				Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
	Tổng	13.519,0	13.519,0	3.019,0	237,0	841,0	9.422,0	

Phụ lục II

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HDND ngày 26/4/2024 của HDND huyện Mai Sơn)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Dự án/tiểu dự án/nội dung thành phần	Đơn vị quản lý, thực hiện (chủ đầu tư)	ĐVT	Vốn sự nghiệp NSTW (triệu đồng)	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
					Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	
	Tổng cộng			35.306,3	534,0	1.782,3	-	28.973,0	4.017,0	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			7.852,0	-	-	-	7.852,0	-	
1	Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề.	UBND các xã	Số hộ	7.210,0				7.210,0		PL II.1
2	Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	Phòng Dân tộc	Số hộ	642,0				642,0		PL II.2
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị			16.735,0	-	-	-	16.735,0	-	
1	Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Hạt Kiểm lâm huyện Mai Sơn		6.186,0				6.186,0		
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Phòng Nông nghiệp và PTNT		10.549,0				10.549,0		

STT	Dự án/hiệu lực dự án/nội dung thành phần	Đơn vị quản lý, thực hiện (chủ đầu tư)	ĐVT	Vốn sự nghiệp NSTW (triệu đồng)	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
					Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc. (Nội dung thực hiện theo Quyết định 1719)	UBND các xã		4.040,0				4.040,0		PL II.3
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực			534,0	534,0	-	-	-	-	
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS (Nội dung thực hiện theo Quyết định 1719)	Phòng Giáo dục và Đào tạo		235,0	235,0	-	-	-	-	
	- Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào Dân tộc thiểu số			235,0	235,0					
2	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi. (Nội dung thực hiện theo Quyết định 1719)	Trung tâm dịch vụ NN huyện Mai Sơn		299,0	299,0					
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			786,3	-	786,3	-	-	-	PL II.4
1	Nội dung số 08: Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa	CLB	277,0		277,0	-	-	-	
2	Nội dung số 09: Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa	Đội	69,3		69,3				

STT	Dự án/ tiểu dự án/nội dung thành phần	Đơn vị quản lý, thực hiện (chủ đầu tư)	ĐVT	Vốn sự nghiệp NSTW (triệu đồng)	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
					Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	
3	Nội dung số 13: Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các Dân tộc thiểu số	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa	Cuộc	200,0		200,0				
4	Nội dung số 18: Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi	UBND xã Chiềng Mai	Nhà văn hóa	240,0		240,0				
VI	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Hội liên hiệp phụ nữ huyện, UBND các xã	Hoạt động	3.307,0					3.307,0	Phụ lục II.5
VIII	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn			710,0	-	-	-	-	710,0	
I	<i>Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. (Nội dung thực hiện theo Quyết định 1719)</i>	Trung tâm Y tế huyện Mai Sơn		710,0					710,0	
IX	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình			1.342,0	-	996,0	-	346,0	-	
I	<i>Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030</i>			996,0	-	996,0	-	-	-	

	Dự án/tên dự án/nội dung thành phần	Đơn vị quản lý, thực hiện (chủ đầu tư)	ĐVT	Vốn sự nghiệp NSTW (triệu đồng)	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
					Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	
1.1	<i>Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín.</i>	Phòng Dân tộc	Nội dung	657,0		657,0				
1.2	<i>Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số</i>	Phòng Dân tộc		339,0		339,0				
2	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>	<i>Các cơ quan đơn vị</i>	<i>Số cuộc</i>	<i>346,0</i>				<i>346,0</i>		<i>PL II.6</i>

[Handwritten signature]



PHỤ LỤC II.1

NỘI DUNG 3. DỰ ÁN 1: HỖ TRỢ ĐẤT SẢN XUẤT, CHUYỂN ĐỔI NGHỀ NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đơn vị xã	Số hộ thụ hưởng năm 2024	Chủ đầu tư	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
					Vốn Ngân sách TW (Sự nghiệp các hoạt động kinh tế)	Vốn địa phương	Vốn vay NHCSXH	
1	Xã Chiềng Mai		UBND xã	-	-	-	-	Hết đối tượng, đến nghị không phân bổ
1	Xã Chiềng Lương	54	UBND xã	540,0	540,0	-	-	
2	Xã Chiềng Dong	22	UBND xã	220,0	220,0	-	-	
3	Xã Chiềng Ve	30	UBND xã	300,0	300,0	-	-	
4	Xã Chiềng Khco	28	UBND xã	280,0	280,0	-	-	
5	Xã Nà Ót	68	UBND xã	680,0	680,0	-	-	
6	Xã Chiềng Nọi	160	UBND xã	1.600,0	1.600,0	-	-	
7	Xã Phiêng Cắm	150	UBND xã	1.500,0	1.500,0	-	-	
8	Xã Phiêng Păn	133	UBND xã	1.330,0	1.330,0	-	-	
9	Xã Tà Hộc	49	UBND xã	490,0	490,0	-	-	
10	Xã Cò Nòi	5	UBND xã	50,0	50,0	-	-	
11	Xã Mường Bằng		UBND xã	-	-	-	-	
11	Xã Chiềng Chấn	11	UBND xã	110,0	110,0	-	-	
12	Xã Chiềng Chung	11	UBND xã	110,0	110,0	-	-	
15	Xã Chiềng Mung		UBND xã	-	-	-	-	
16	Xã Nà Bó		UBND xã	-	-	-	-	
Tổng cộng		721	-	7.210,0	7.210,0	-	-	



Phụ lục II.2

NỘI DUNG 4 - DỰ ÁN 1: HỖ TRỢ NƯỚC SINH HOẠT

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đơn vị xã	Số hộ thụ hưởng năm 2024	Chủ đầu tư	Tổng số	Trong đó				Ghi chú
					Vốn NSTW (Sự nghiệp các hoạt động kinh tế)	Vốn địa phương	Vốn vay NHCSXH	Vốn huy động khác	
1	Xã Chiềng Mai	4	Phòng Dân tộc	12,0	12,0	-	-	-	
2	Xã Chiềng Lương	16		48,0	48,0	-	-	-	
3	Xã Chiềng Đông	7		21,0	21,0	-	-	-	
4	Xã Chiềng Vè	9		27,0	27,0	-	-	-	
5	Xã Chiềng Kheo	7		21,0	21,0	-	-	-	
6	Xã Nà Ót	19		57,0	57,0	-	-	-	
7	Xã Chiềng Nọi	42		126,0	126,0	-	-	-	
8	Xã Phiêng Cằm	42		126,0	126,0	-	-	-	
9	Xã Phiêng Pằn	50		150,0	150,0	-	-	-	
10	Xã Tà Hộc	18		54,0	54,0	-	-	-	
Tổng cộng		214		642,0	642,0	-	-	-	



Phụ lục II.3

DỰ ÁN 4: DUY TU BẢO DƯỠNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐBK, BÀN ĐBK

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Huyện, Xã	Chủ đầu tư	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2024				Ghi chú
				Tổng vốn giao năm 2024	Trong đó			
			Vốn NSTW (Sự nghiệp các hoạt động kinh tế)		NSDP	Vốn khác		
1	2	3	4	12	13	14	15	
TỔNG CỘNG				4.040,00	4.040,00	-	-	
A	XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN			3.379,20	3.379,20	-	-	
1	Xã Chiềng Mai	UBND xã		338,10	338,10	-	-	
1.1	Duy tu, sửa chữa Nhà Văn hóa Tiểu Khu	UBND xã		120,20	120,20			
1.2	Duy tu, sửa chữa Nhà Văn Hóa bản Pòn	UBND xã		150,00	150,00			
1.3	Duy tu, sửa chữa Nhà Văn Hóa bản Puồn Vạy	UBND xã		67,90	67,90			
2	Xã Phiêng Păn	UBND xã		337,90	337,90	-	-	-
2.1	Duy tu sửa chữa nhà văn hoá bản Đen			95,00	95,00			
2.2	Duy tu sửa chữa nhà văn hoá bản Phiêng Khàng			95,00	95,00			
2.3	Duy tu sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Pá Ban			147,90	147,90			
3	Xã Nà Ốt	UBND xã		337,90	337,90	-	-	
3.1	Duy tu sửa chữa, nâng cấp nhà văn hoá bản Há Sét	UBND xã		95,00	95,00			
3.2	Duy tu sửa chữa, nâng cấp nhà văn hoá bản Lụng Cuông	UBND xã		95,00	95,00			
3.3	Duy tu sửa chữa, nâng nước sạch bản Há Sét (Khu huổi kệt):	UBND xã		147,90	147,90			
4	Xã Chiềng Dong	UBND xã		337,90	337,90	-	-	-
4.1	Sửa chữa, mở rộng đường nội đồng bản Nà Khoang	UBND xã	2,2km	77,90	77,90			
4.2	Sửa chữa, mở rộng đường nội đồng bản Lò Um	UBND xã	1,5km	55,00	55,00			
4.3	Sửa chữa, mở rộng đường nội đồng bản Pặc Ngần	UBND xã	1,2km	55,00	55,00			
4.4	Sửa, nâng cấp nương bản Dè	UBND xã	60m	150,00	150,00			
5	Xã Chiềng Nọi	UBND xã		337,90	337,90	-	-	
5.1	Duy tu sửa chữa Cầu treo qua suối bản Phiêng Thẩm	UBND xã	55m	150,00	150,00			
5.2	Duy tu sửa chữa Nước sinh hoạt bản Nhụng Trên	UBND xã		187,90	187,90			
6	Xã Chiềng Kheo	UBND xã		337,90	337,90	-	-	
6.1	Duy tu, sửa chữa rãnh thoát đường bê tông bản Lon Kéo (Cụm Nà Kéo)	UBND xã		160,00	160,00			
6.2	Duy tu, sửa chữa rãnh thoát đường bê tông bản Lon Kéo (Cụm Nà Lon)	UBND xã		100,00	100,00			
6.3	Duy tu, sửa chữa rãnh thoát đường bê tông bản Buốt Vãn (Cụm Tô Vãn)	UBND xã		77,90	77,90			
7	Xã Chiềng Lương	UBND xã		337,90	337,90	-	-	
7.1	Duy tu, sửa chữa đường bản Mòn-Búa Bon- Thẩm Phăng	UBND xã		90,00	90,00			
7.2	Duy tu, sửa chữa đường liên bản Ý Lường, bản Tăng, Buôm Khoang	UBND xã		70,00	70,00			

STT	Huyện, Xã	Chủ đầu tư	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2024				Ghi chú
				Tổng vốn giao năm 2024	Trong đó			
					Vốn NSTW (Sự nghiệp các hoạt động kinh tế)	NSDP	Vốn khác	
7.3	Duy tu nước sinh hoạt Lũng Tra	UBND xã		90,90	90,90			
7.4	Duy tu nước sinh hoạt Bàn Oi	UBND xã		87,00	87,00			
8	Tà Hộc	UBND xã		337,90	337,90	-	-	
8.1	Duy tu sửa chữa ống nước sinh hoạt tạ bản Pon	UBND xã	108 hộ	205,90	205,90			
8.2	Duy tu sửa chữa ống nước sinh hoạt tạ bản Pù Tền	UBND xã	68 hộ	132,00	132,00			
9	Xã Chiềng ve	UBND xã		337,90	337,90	-	-	-
9.1	Tu sửa công trình Nhà văn hóa bản Khiêng:			90,00	90,00			
9.2	Tu sửa Công trình nước sinh hoạt bản Thẩm.			167,90	167,90			
9.3	Tu sửa đường giao thông liên bản từ bản Vương Mè đến bản Púng (Đường đất)			80,00	80,00			
10	Xã Phiêng Cầm	UBND xã		337,90	337,90	-	-	
10.1	Duy tu, sửa chữa đường nội bản Xà Liệt	UBND xã		277,90	277,90			
10.2	Duy tu, sửa chữa nước sinh hoạt bản Phiêng Phụ	UBND xã		60,00	60,00			
B	BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN			660,80	660,80	-	-	-
1	Xã Chiềng Chăn	UBND xã		198,24	198,24	-	-	
1.1	Duy tu sửa chữa nâng cấp cầu dân sinh bản Tong Tái B, xã Chiềng Chăn	UBND xã		66,08	66,08			
1.2	Duy tu sửa chữa nâng cấp, kê đá bản Nặm Luông	UBND xã		66,08	66,08			
1.3	Duy tu sửa chữa, cải tạo kê đường bê tông bản Yên Bình	UBND xã		66,08	66,08			
2	Nà Bó	UBND xã		66,08	66,08	-	-	
2.1	Duy tu sửa chữa, nâng cấp sân, tường rào, công trình vệ sinh Nhà văn hóa bản Kéo Bó			66,08	66,08			
3	Xã Mường Bằng	UBND xã		66,08	66,08	-	-	
3.1	Duy tu sửa chữa tường rào, nhà vệ sinh bản Quỳnh Châu			66,08	66,08			
4	Xã Chiềng Chung	UBND xã		264,32	264,32	-	-	
4.1	Duy tu sửa đường nội bản Tường Chung		1km	88,08	88,08			
4.2	Duy tu sửa chữa nhà Văn hoá bản Xam Ta		90m2	88,16	88,16			
4.3	Duy tu sửa công trình đập tràn đầu nguồn nước sinh hoạt bản Ít Hồ			88,08	88,08			
5	Chiềng Mung	UBND xã		66,08	66,08	-	-	
5.1	Duy tu, bảo dưỡng đường lên khu sản xuất, đường vào khu nghĩa địa bản Lo			66,08	66,08			

Handwritten signature



Phụ lục II.4

DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DTTS GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Dvt: triệu đồng

TT	Nội dung đầu tư	Chủ đầu tư	ĐVT	Vốn sự nghiệp ngân sách TW	Ghi chú
	TỔNG			786,3	
1	Nội dung số 08: Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN, vùng di dân tái định cư	Trung tâm truyền thông văn hóa	1 Câu lạc bộ	277,0	Chi tiêu được giao tại Công văn số 10/SVHTTDL-QLVH, ngày 04/01/2024 của Sở VH-TTDL; nguồn kinh phí thực hiện theo CV 2993/SVHTT&DL-QLVH về đề xuất nhu cầu nguồn vốn của huyện Mai Sơn
2	Nội dung số 09: Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trung tâm truyền thông văn hóa	1 Đội	69,3	
3	Nội dung số 13: Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các DTTS	Trung tâm truyền thông văn hóa	1 Cuộc	200,0	Chi tiêu được giao tại Công văn số 10/SVHTTDL-QLVH, ngày 04/01/2024 của Sở VH-TTDL; Theo điểm b, khoản 5, điều 32 Thông tư 55 ngày 15/8/2023 quy định hỗ trợ thi đấu thể thao truyền thống từ vốn sự nghiệp của ngân sách TW đối với cuộc thi cấp huyện tối đa 200 triệu đồng; tuy nhiên theo CV 2993/SVHTT&DL-QLVH về đề xuất nhu cầu nguồn vốn của huyện Mai Sơn đối với nội dung 13 là 416 triệu vượt quy định tại TT55 là 216 triệu đồng
4	Nội dung số 18: Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN.			240,0	
a	Hỗ trợ trang thiết bị cho nhà văn hóa tại các bản vùng đồng bào DTTS&MN			240,0	
a.1	Bản Vực Bon	UBND xã Chiềng Mai	Nhà VH	30,0	Chi tiêu được giao tại Công văn số 10/SVHTTDL-QLVH, ngày 04/01/2024 của Sở VH-TTDL; Theo khoản 8, điều 32 Thông tư 55 ngày 15/8/2023 quy định hỗ trợ trang thiết bị nhà văn hóa tối đa 30 triệu; tuy nhiên theo CV 2993/SVHTT&DL-QLVH về đề xuất nhu cầu nguồn vốn của huyện Mai Sơn đối với nội dung 18 là 332,7 triệu/8 nhà văn hóa tương đương với 41,6 triệu đồng / 01 NVH vượt quy định tại TT55 là 11,6 triệu đồng/01 NVH
a.2	Bản Pòn		Nhà VH	30,0	
a.3	Bản Mé Mạn		Nhà VH	30,0	
a.4	Bản Cuộm Sơn		Nhà VH	30,0	
a.5	Bản Co Sâu		Nhà VH	30,0	
a.6	Tiểu khu Ngã Ba		Nhà VH	30,0	
a.7	Bản Puồn Vạy		Nhà VH	30,0	
a.8	Bản Ban		Nhà VH	30,0	

Phụ lục II.5

DỰ ÁN 8: THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Trong đó		Ghi chú
			Nguồn vốn NSTW (Sự nghiệp Sự nghiệp đảm bảo xã hội)	NSDP	
	Tổng số	3.307,00	3.307,00		
I	Hội LHPN huyện	1.421,20	1.421,20		
II	UBND các xã	1.885,80	1.885,80		
1	Chiềng Mung	16,61	16,61		
2	Cò Nòi	19,01	19,01		
3	Nà Bó	16,61	16,61		
4	Mường Bằng	16,61	16,61		
5	Chiềng Chăn	48,91	48,91		
6	Chiềng Chung	63,31	63,31		
7	Tà Hộc	142,27	142,27		
8	Chiềng Lương	166,37	166,37		
9	Chiềng Mai	152,87	152,87		
10	Chiềng Kheo	113,53	113,53		
11	Chiềng Ve	124,22	124,22		
12	Chiềng Dong	167,27	167,27		
13	Nà Ót	199,77	199,77		
14	Phiêng Cầm	225,97	225,97		
15	Chiềng Nọi	189,92	189,92		
16	Phiêng Păn	222,55	222,55		



Phụ lục II.6

**ĐỀ ÁN 10 - TIỂU DỰ ÁN 3: KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN
TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần	Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
		Tổng vốn giao năm 2024	Trong đó		
			NSTW	Vốn khác	
1	2	12	13	15	
TỔNG CỘNG		364,0	364,0		
1	Phòng Dân tộc	20,0	20,0		
2	Hạt Kiểm lâm huyện Mai Sơn	93,0	93,0		
3	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện	130,0	130,0		
4	Trung tâm dịch vụ NN huyện Mai Sơn	20,0	20,0		
5	Phòng Văn hóa và Thông tin	36,0	36,0		
6	Hội liên hiệp phụ nữ huyện	45,0	45,0		
7	Trung tâm Y tế huyện Mai Sơn	20,0	20,0		

PHÂN BỐ VỐN SỬ DỤNG NGHIỆP NÔNG THÔN MỚI CHO CÁC CƠ QUAN, PHÒNG BAN, ĐƠN VỊ THỰC HIỆN NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của HĐND huyện Mai Sơn)



Số TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Tổng vốn	Trong đó		Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Trung ương	Ngân sách tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	9	
	Tổng cộng			5.212,0	3.512,0	1.700,0		
1	Nội dung thành phần số 1: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá.			1.800,0	1.000,0	800,0		
1.1	<i>Nội dung 01:</i> Rà soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương...	Xã	4	1.800,0	1.000,0	800,0		
	Xã Cò Nòi			450,0	250,0	200,0	UBND Cò Nòi, xã Mường Bon, Xã Hát Lót, xã Chiềng Chăn	
	Xã Mường Bon			450,0	250,0	200,0		
	Xã Hát Lót			450,0	250,0	200,0		
	Xã Chiềng Chăn			450,0	250,0	200,0		
2	Nội dung thành phần số 3: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn...			612,0	412,0	200,0		
2.1	<i>Nội dung 4:</i> Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, thành lập Trung tâm OCOP Quốc gia	Sản phẩm	10	612,0	412,0	200,0	Phòng Nông nghiệp và PTNT	
3	Nội dung thành phần số 6: Nâng cao chất lượng đời sống văn hoá của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn			80,0	40,0	40,0		

Số TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Tổng vốn	Trong đó		Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Trung ương	Ngân sách tỉnh		
3.1	<i>Nội dung 1:</i> Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi). Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống	Thiết chế Nhà văn hoá (TTVH) xã	1	80,0	40,0	40,0	UBND xã Hát Lót	
4	Nội dung thành phần số 7: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn			2.200,0	1.800,0	400,0		
4.1	<i>Nội dung 02:</i> Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, chất thải nhựa...) theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa;	Xã		2.200,0	1.800,0	400,0	Phòng Nông nghiệp và PTNT	
5	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.			330,0	170,0	160,0		
5.1	- <i>Nội dung 01:</i> Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ đầu, từ nơi xuất phát và ngay tại cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, hạn chế để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự...; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố, xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tự phòng, tự quản, tự vệ, tự hòa giải...; triển khai hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;	Xã		330,0	170,0	160,0	Công an huyện	
6	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.			190,0	90,0	100,0		
6.1	- <i>Nội dung 04:</i> Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM;	Tin, bài, phóng sự,...	1	190,0	90,0	100,0	Trung tâm truyền thông văn hoá	